



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 1 tháng 3 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Trị
Ông Phạm Văn Tân
Bà Trần Tường Anh
Ông Nguyễn Ngọc Bình
Ông Lê Quốc Ân

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Huệ
Ông Nguyễn Thanh Sơn
Ông Nguyễn Ngọc Cách

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban điều hành

Ông Nguyễn Đức Trị
Ông Nguyễn Văn Hải
Bà Hoàng Thùy Oanh
Bà Trần Tường Anh
Ông Nguyễn Ngọc Bình
Ông Phạm Ngọc Trung
Bà Trần Thị Hòa Châu
Ông Phan Văn Phước
Ông Phan Quang Long
Ông Nguyễn Văn Cường

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

36 Phố Ông Ích Đường
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

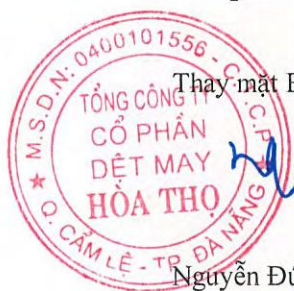
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ **Báo cáo của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 50 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban điều hành

Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 9 tháng 8 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 50.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 18-02-204-HN



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2018



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2018-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.180.391.304.122	1.073.492.771.019
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	36.743.425.521	30.217.978.641
Tiền	111		35.970.425.521	28.967.978.641
Các khoản tương đương tiền	112		773.000.000	1.250.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.826.195.600	14.191.267.129
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(a)	13.826.195.600	14.191.267.129
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		385.602.208.522	295.519.795.779
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	339.048.977.444	251.218.343.649
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		40.109.712.487	32.720.608.942
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		761.400.000	806.400.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	7.748.684.972	11.881.454.565
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(2.066.566.381)	(1.107.011.377)
Hàng tồn kho	140	14	701.407.397.979	665.119.719.713
Hàng tồn kho	141		701.817.827.155	665.316.767.423
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(410.429.176)	(197.047.710)
Tài sản ngắn hạn khác	150		42.812.076.500	68.444.009.757
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	10.993.940.976	9.482.149.123
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		31.756.631.967	58.904.058.355
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21(a)	61.503.557	57.802.279

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		929.095.846.361	888.211.926.794
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.633.573.327	3.269.768.621
Phải thu về cho vay dài hạn	215		808.500.000	1.166.700.000
Phải thu dài hạn khác	216		1.825.073.327	2.103.068.621
Tài sản cố định	220		858.202.875.969	825.853.348.196
Tài sản cố định hữu hình	221	15	854.905.370.968	821.906.832.670
<i>Nguyên giá</i>	222		1.606.427.094.694	1.553.576.955.416
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(751.521.723.726)	(731.670.122.746)
Tài sản cố định vô hình	227	16	3.297.505.001	3.946.515.526
<i>Nguyên giá</i>	228		10.558.944.973	10.558.944.973
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.261.439.972)	(6.612.429.447)
Tài sản dở dang dài hạn	240		35.576.704.536	23.755.315.260
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	35.576.704.536	23.755.315.260
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.334.466.502	6.334.466.502
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10(b)	7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	10(b)	(6.326.235.498)	(6.326.235.498)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	10(a)	905.000.000	4.905.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		30.348.226.027	28.999.028.215
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	29.927.965.939	28.508.724.779
Lợi thế thương mại	269	19	420.260.088	490.303.436
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.109.487.150.483	1.961.704.697.813

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.695.271.762.981	1.524.072.518.095
Nợ ngắn hạn	310		1.204.812.775.614	1.027.372.367.986
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	283.221.266.147	205.015.315.444
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.200.250.846	9.332.879.255
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21(b)	8.669.152.366	9.487.977.018
Phải trả người lao động	314		145.610.944.061	129.821.695.445
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	3.720.973.493	9.556.380.587
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	25.874.963.868	20.218.548.615
Vay ngắn hạn	320	24(a)	674.820.463.388	598.086.353.606
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	54.694.761.445	45.853.218.016
Nợ dài hạn	330		490.458.987.367	496.700.150.109
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		17.364.117.067	19.029.246.445
Vay dài hạn	338	24(b)	473.094.870.300	477.670.903.664
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		414.215.387.502	437.632.179.718
Vốn chủ sở hữu	410	26	414.215.387.502	437.632.179.718
Vốn cổ phần	411	27	225.000.000.000	225.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.000.000.000	225.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	98.179.356.087	84.867.338.095
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		46.162.460.333	84.489.432.518
- LNST đến cuối năm trước	421a		-	4.618.312.273
- LNST chưa phân phối kỳ này/ năm nay	421b		46.162.460.333	79.871.120.245
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		44.873.571.082	43.275.409.105
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.109.487.150.483	1.961.704.697.813

Ngày 9 tháng 8 năm 2018

Người lập:

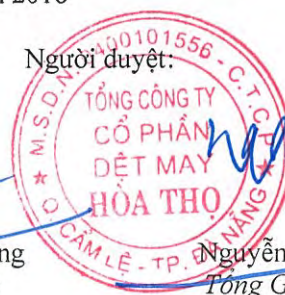


Đặng Thị Oanh Nữ
 Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Văn Cường
 Kế toán trưởng




Nguyễn Đức Trí
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	2.145.816.951.100	1.798.655.747.790
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		825.897.590	1.280.572.136
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		2.144.991.053.510	1.797.375.175.654
Giá vốn hàng bán	11		1.960.373.598.992	1.642.274.113.406
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		184.617.454.518	155.101.062.248
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	7.977.147.380	13.846.675.194
Chi phí tài chính	22	33	27.353.694.918	25.242.155.951
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		18.892.143.511	19.842.577.021
Chi phí bán hàng	25	34	44.065.990.435	61.893.287.656
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	68.272.149.478	68.644.688.679
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		52.902.767.067	13.167.605.156
Thu nhập khác	31		3.550.650.338	837.965.278
Chi phí khác	32		1.581.273.838	1.159.829.555
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.969.376.500	(321.864.277)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		54.872.143.567	12.845.740.879
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	3.407.459.345	1.784.741.934
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (mang sang trang sau)	60		51.464.684.222	11.060.998.945

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

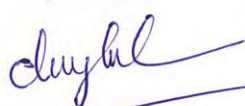
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (tràng trước mang sang)	60		51.464.684.222	11.060.998.945
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		46.996.044.245	15.123.945.584
Cổ đông không kiểm soát	62		4.468.639.977	(4.062.946.639)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	2.089	737

Ngày 9 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng




Nguyễn Đức Tri
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		54.872.143.567	12.845.740.879
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		74.528.736.644	69.085.336.237
Các khoản dự phòng	03		1.172.936.470	(50.552.858)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		6.603.737.142	583.989.802
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.979.147.279)	(2.601.397.122)
Chi phí lãi vay	06		18.892.143.511	19.842.577.021
Điều chỉnh khác	07		-	(13.166.187)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		152.090.550.055	99.692.527.772
Biến động các khoản phải thu	09		(62.042.334.633)	(81.307.075.042)
Biến động hàng tồn kho	10		(36.501.059.732)	(92.258.878.231)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		90.496.604.589	(15.510.332.311)
Biến động chi phí trả trước	12		(2.974.838.239)	(4.287.999.157)
			141.068.922.040	(93.671.756.969)
Tiền lãi vay đã trả	14		(19.550.657.364)	(17.635.488.509)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.293.399.382)	(3.180.433.323)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		71.067.527	66.826.090
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(18.081.017.817)	(2.620.730.771)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		99.214.915.004	(117.041.583.482)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(120.857.057.891)	(130.039.000.081)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		5.383.478.182	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(1.330.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		4.768.271.529	31.467.300.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	1.600.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.185.227.973	2.368.883.458
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(109.520.080.207)	(95.932.816.623)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	59.625.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		1.590.442.840.174	1.577.111.717.154
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.526.065.594.091)	(1.385.361.003.350)
Tiền trả cổ tức	36		(47.546.634.000)	(40.769.418.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		16.830.612.083	210.606.295.404
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		6.525.446.880	(2.368.104.701)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		30.217.978.641	32.184.925.593
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	9	36.743.425.521	29.816.820.892

Ngày 9 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tổng Công ty có các công ty con và công ty liên kết sau:

STT	Ngày 30/6/2018 và 1/1/2018		
	Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty	
Công ty con			
1	Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	76,88%	76,88%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam (i)	32,14%	54,14%
3	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	54,18%	54,18%
4	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	81,73%	81,73%
5	Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	54,21%	61,00%
6	Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	100%	100%
Công ty liên kết			
1	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	27,23%	42,5%

- (i) Theo giấy ủy quyền ngày 1 tháng 8 năm 2014, hai cổ đông cá nhân nắm giữ 22% tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tương ứng của Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam đã ủy quyền cho Tổng Công ty là người đại diện theo ủy quyền, nhân danh và thay mặt hai cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông trong Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam, qua đó nâng tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty trong Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam lên 54,14%. Do đó, Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam được xác định là chịu quyền kiểm soát của Tổng Công ty và là công ty con của Tổng Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tổng Công ty và các công ty con có 10.821 nhân viên (1/1/2018: 10.965 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) *Mất quyền kiểm soát*

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iv) *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) *Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất*

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết này.

(vi) *Hợp nhất kinh doanh*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành của Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 3 năm.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban điều hành xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng, do vậy yêu cầu trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban điều hành Tổng Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban điều hành thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty và các công ty con không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Báo cáo bộ phận**

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Việt Nam
- Vương quốc Anh
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Các vùng địa lý khác

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018								
Tổng doanh thu của bộ phận	644.185.939	427.257.875	224.072.246	170.256.700	149.690.890	7.727.077	522.626.224	2.145.816.951
Kết quả kinh doanh của bộ phận	40.829.355	49.727.461	20.460.374	16.717.659	14.100.684	614.303	42.167.619	184.617.455
Thu nhập không phân bổ								7.977.147
Chi phí không phân bổ								139.691.835
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh								52.902.767
Thu nhập khác								3.550.650
Chi phí khác								1.581.274
Thuế thu nhập doanh nghiệp								3.407.459
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN								51.464.684

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018								
Tài sản của bộ phận	132.263.588	72.792.769	25.790.266	43.492.881	19.725.452	-	44.984.021	339.048.977
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ								1.770.438.173
Tổng tài sản								<u>2.109.487.150</u>
Nợ phải trả của bộ phận	19.686.557	-	-	-	1.728.813	-	4.148.998	25.564.368
Các khoản nợ không phân bổ								1.669.707.395
Tổng nợ phải trả								<u>1.695.271.763</u>
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018								
Chi tiêu vốn								120.857.058
Khấu hao tài sản cố định hữu hình								73.765.878
Khấu hao tài sản cố định vô hình								649.011

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017								
Tổng doanh thu của bộ phận	512.524.080	255.552.269	212.908.724	140.903.618	138.406.593	46.635.074	491.725.390	1.798.655.748
Kết quả kinh doanh của bộ phận	22.961.172	39.977.599	20.435.226	8.093.198	10.129.030	2.414.945	51.089.892	155.101.062
<hr/>								
Thu nhập không phân bổ								13.846.675
Chi phí không phân bổ								155.780.132
<hr/>								
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh								13.167.605
<hr/>								
Thu nhập khác								837.965
Chi phí khác								1.159.829
Thuế thu nhập doanh nghiệp								1.784.742
<hr/>								
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN								11.060.999
<hr/>								

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018								
Tài sản của bộ phận	116.989.035	22.805.587	2.466.376	6.838.865	69.127.639	-	32.990.842	251.218.344
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ								1.710.486.354
Tổng tài sản								1.961.704.698
Nợ phải trả của bộ phận	19.594.382	2.734.877	187.073	-	2.643.483	-	3.202.311	28.362.126
Các khoản nợ không phân bổ								1.495.710.392
Tổng nợ phải trả								1.524.072.518
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017								
Chi tiêu vốn								130.039.000
Khấu hao tài sản cố định hữu hình								68.218.048
Khấu hao tài sản cố định vô hình								593.999

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	153.839.023	124.204.263
Tiền gửi ngân hàng	35.816.586.498	28.843.774.378
Các khoản tương đương tiền	773.000.000	1.250.000.000
	36.743.425.521	30.217.978.641
	36.743.425.521	30.217.978.641

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	13.826.195.600	13.826.195.600	14.191.267.129	14.191.267.129
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	905.000.000	(*)	4.905.000.000	(*)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 6,5% đến 7,2% (2017: 6,2% đến 7,2%) một năm.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại ngân hàng với lãi suất từ 6% đến 6,2% (2017: 6,2% đến 6,6%) một năm

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	30/6/2018			1/1/2018				
				% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đơn vị khác											
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(26.235.498)	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(26.235.498)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Dệt - May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14%	14%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14%	14%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
					7.755.702.000	(6.326.235.498)					
					7.755.702.000	(6.326.235.498)					

Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Motives (Far East) Limited	115.420.467.149	116.161.660.223
Supreme International Inc.	35.251.272.874	13.391.542.904
Haggar Clothing Co.	25.676.273.617	4.416.632.069
Gamal Ibrahim Ahmed Al Okiya	24.815.929.249	24.342.929.844
Hultafors Group AB	23.779.366.994	-
Kuraray Trading Co., Ltd.	15.995.622.574	1.006.101.222
Ajiad Imp. and Exp. Co.	25.803.455.961	-
Risa Tel Sociedade Comercial De Fios	-	12.263.959.018
Các khách hàng khác	72.306.589.026	79.635.518.369
	<hr/>	<hr/>
	339.048.977.444	251.218.343.649

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 228.363 triệu VND (1/1/2018: 238.000 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 24(a)).

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	388.536.710	83.482.800
Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	10.674.404	11.702.020
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc Tế	-	536.320.978
	<hr/>	<hr/>
	399.211.114	631.505.798

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Phải thu tiền bảo hiểm xã hội ứng trước cho nhân viên	36.297.254	194.428.000
Tạm ứng	1.252.601.880	1.370.206.254
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.191.258.213	6.395.853.520
Phải thu khác	3.268.527.625	3.920.966.791
	<hr/>	<hr/>
	7.748.684.972	11.881.454.565
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	30/6/2018			Thời gian quá hạn	1/1/2018		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt	Từ 1 - 2 năm	5.709.989.346	(971.866.691)	4.738.122.655	-	-	-	-
Công ty TNHH Thanh Thu	Trên 3 năm	428.360.000	(428.360.000)	-	Trên 3 năm	428.360.000	(428.360.000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà	Trên 3 năm	464.924.753	(464.924.753)	-	Trên 3 năm	464.924.753	(464.924.753)	-
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	Trên 3 năm	96.888.118	(96.888.118)	-	Trên 3 năm	96.888.118	(96.888.118)	-
Khác		104.526.819	(104.526.819)	-	Trên 3 năm	116.838.506	(116.838.506)	-
		<u>6.804.689.036</u>	<u>(2.066.566.381)</u>	<u>4.738.122.655</u>		<u>1.107.011.377</u>	<u>(1.107.011.377)</u>	<u>-</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn	<u>(2.066.566.381)</u>	<u>(1.107.011.377)</u>
--------------------------------------	------------------------	------------------------

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	111.231.498.229	-	63.150.243.596	-
Nguyên vật liệu	250.366.644.240	-	202.085.940.986	-
Công cụ và dụng cụ	329.352.355	-	157.397.654	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	225.255.759.816	-	215.425.635.027	-
Thành phẩm	106.412.282.310	(410.429.176)	91.289.309.379	(197.047.710)
Hàng hóa	928.671.824	-	1.290.714.613	-
Hàng gửi đi bán	7.293.618.381	-	91.917.526.168	-
	701.817.827.155	(410.429.176)	665.316.767.423	(197.047.710)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 263.978 triệu VND (1/1/2018: 240.470 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 24(a)).

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có 493 triệu VND hàng thành phẩm (1/1/2018: 222 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	370.475.627.727	1.057.740.804.238	41.813.153.189	7.641.434.215	75.905.936.047	1.553.576.955.416
Tăng trong kỳ	89.108.893	13.631.741.273	114.256.642	688.401.454	2.539.189.387	17.062.697.649
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.564.734.668	86.432.015.404	2.260.246.999	-	1.244.279.999	92.501.277.070
Thanh lý	-	(56.505.152.846)	-	(156.616.231)	(52.066.364)	(56.713.835.441)
Số dư cuối kỳ	373.129.471.288	1.101.299.408.069	44.187.656.830	8.173.219.438	79.637.339.069	1.606.427.094.694
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	110.874.272.040	542.835.458.445	27.650.059.763	5.043.940.703	45.266.391.795	731.670.122.746
Khấu hao trong kỳ	11.216.418.585	54.859.479.797	2.159.518.145	559.831.743	4.970.629.275	73.765.877.545
Thanh lý	-	(53.717.052.424)	-	(145.157.777)	(52.066.364)	(53.914.276.565)
Số dư cuối kỳ	122.090.690.625	543.977.885.818	29.809.577.908	5.458.614.669	50.184.954.706	751.521.723.726
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	259.601.355.687	514.905.345.793	14.163.093.426	2.597.493.512	30.639.544.252	821.906.832.670
Số dư cuối kỳ	251.038.780.663	557.321.522.251	14.378.078.922	2.714.604.769	29.452.384.363	854.905.370.968

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 167.235 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 210.928 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 622.280 triệu VND (1/1/2018: 643.186 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho một số khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 24(a)) và dài hạn (Thuyết minh 24(b)) của Tổng Công ty và các công ty con.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	10.558.944.973
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	6.612.429.447
Khấu hao trong kỳ	649.010.525
Số dư cuối kỳ	7.261.439.972
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	3.946.515.526
Số dư cuối kỳ	3.297.505.001

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 3.984 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (1/1/2018: 3.840 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	23.755.315.260	33.472.034.902
Tăng trong kỳ	104.322.666.346	120.024.364.168
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(92.501.277.070)	(124.884.424.446)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.201.110.750)
Số dư cuối kỳ	35.576.704.536	27.410.863.874

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Đầu tư thiết bị Nhà máy Sợi 1	18.895.679.476	22.487.064.840
Cải tạo hệ thống trạm biến áp Nhà máy Sợi 1	9.927.068.950	118.181.817
Đầu tư thiết bị Nhà máy Sợi 2	6.084.400.000	-
Khác	669.556.110	1.150.068.603
	35.576.704.536	23.755.315.260

18. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Trả trước phí bảo hiểm	772.626.019	990.267.721
Công cụ và dụng cụ	5.256.503.301	3.944.405.926
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	762.197.837	1.381.649.168
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.202.613.819	3.165.826.308
	10.993.940.976	9.482.149.123

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	4.278.310.632	17.115.271.274	7.115.142.873	28.508.724.779
Tăng trong kỳ	-	7.642.380.919	2.274.577.528	9.916.958.447
Phân bổ trong kỳ	(43.805.226)	(6.481.677.169)	(1.972.234.892)	(8.497.717.287)
Số dư cuối kỳ	4.234.505.406	18.275.975.024	7.417.485.509	29.927.965.939

19. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	1.400.866.953
Giá trị phân bổ lũy kế	
Số dư đầu kỳ	910.563.517
Phân bổ trong kỳ	70.043.348
Số dư cuối kỳ	980.606.865
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu kỳ	490.303.436
Số dư cuối kỳ	420.260.088

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Ecom Agroindustrial Asia Pte Ltd	18.963.301.137	-
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	18.787.037.686	9.230.356.984
Hultafors Group AB	17.335.265.255	21.335.354.164
Suvet Commodities DMCC	14.835.706.685	-
Glencore Agriculture B.V	12.386.150.743	-
Rcma Asia Pte Ltd	10.260.878.569	-
Devcot S.A	8.739.343.800	-
Indorama Polyester Industries PCL	6.105.622.512	8.113.148.762
Fujian Jung Wei New Fiber Science and Technology Co., Ltd.	6.029.289.000	8.159.829.710
Motives (Far East) Limited	5.958.580.525	3.048.790.041
Công ty TNHH Coats Phong Phú	5.917.159.293	3.600.264.153
Kufner Hong Kong Limited	5.758.169.902	5.730.921.028
Manhattan Outdoor Wear Factory Limited	4.721.468.381	7.863.820.177
The Kingtex Corporation	3.383.593.756	3.400.535.534
Gozek Tekstil Ithakat Ihracat San	1.489.914.345	5.905.995.057
Pang Rim Co., Ltd.	-	6.261.482.533
Các nhà cung cấp khác	142.549.784.558	122.364.817.301
	283.221.266.147	205.015.315.444

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	18.787.037.686	9.230.356.984
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Phú Ninh	114.831.288	114.831.288
Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty TNHH Coats Phong Phú	5.917.159.293	3.600.264.153
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	-	148.992.087
	24.819.028.267	13.094.444.512

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã được hoàn lại/khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2018 VND
Thuế nhập khẩu	27.500.761	-	(27.500.761)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.843.386	-	-	14.843.386
Thuế thu nhập cá nhân	14.547.505	32.112.666	-	46.660.171
Các loại thuế khác	910.627	-	(910.627)	-
	57.802.279	32.112.666	(28.411.388)	61.503.557

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.333.960.900	64.470.601.165	(64.707.360.583)	6.097.201.482
Thuế nhập khẩu	-	416.335.149	(367.169.059)	49.166.090
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.108.574.618	3.407.459.345	(4.293.399.382)	2.222.634.581
Thuế thu nhập cá nhân	45.441.500	2.105.917.790	(2.123.690.667)	27.668.623
Tiền thuê đất	-	2.460.140.904	(2.187.659.314)	272.481.590
Các loại thuế khác	-	143.885.052	(143.885.052)	-
	9.487.977.018	73.004.339.405	(73.823.164.057)	8.669.152.366

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Chi phí hoạt động	2.475.318.508	7.717.394.471
Chi phí lãi vay	538.266.162	1.196.780.015
Các khoản trích trước khác	707.388.823	642.206.101
	3.720.973.493	9.556.380.587
	3.720.973.493	9.556.380.587

23. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	11.113.881.295	11.272.798.938
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	2.978.093.573	612.107.647
Giá trị hàng nguyên vật liệu mượn phải trả	4.466.692.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	383.232.180	695.536.532
Tiền chi hộ còn thừa phải trả lại	-	352.342.523
Cổ tức phải trả	823.466.547	655.700.547
Quỹ ái hữu, tương trợ	783.985.878	783.985.878
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.325.612.395	5.846.076.550
	25.874.963.868	20.218.548.615
	25.874.963.868	20.218.548.615

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Vay****(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2018	Biến động trong kỳ		Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	30/6/2018
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	538.992.590.702	1.578.964.595.595	(1.496.397.854.719)	4.413.410.866	625.972.742.444
Vay dài hạn đến hạn trả	59.093.762.904	19.262.456.200	(29.667.739.372)	159.241.212	48.847.720.944
	598.086.353.606	1.598.227.051.795	(1.526.065.594.091)	4.572.652.078	674.820.463.388

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	2,5%	141.923.053.434	156.641.387.962
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	2,4%	177.573.216.015	76.041.333.812
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	2,5%	129.737.384.140	72.342.581.182
Vay ngân hàng 4 (ii)	USD	-	-	25.674.654.486
Vay ngân hàng 5 (ii)	USD	2,4%	6.149.979.177	40.286.373.580
Vay ngân hàng 6 (ii)	USD	1,95%	104.115.039.364	130.115.305.065
Vay Ban liên lạc hưu trí (i)	VND	10%	200.000.000	150.000.000
Vay ngân hàng 7 (ii)	VND	7,5%	3.158.458.128	5.518.267.055
Vay ngân hàng 8 (ii)	USD	2,7% - 2,9%	63.115.612.186	32.222.687.560
			625.972.742.444	538.992.590.702

(i) Các khoản vay này có tài sản đảm bảo.

(ii) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu (Thuyết minh 11), hàng tồn kho (Thuyết minh 14) và tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 15).

(b) Vay dài hạn

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay dài hạn	521.942.591.244	536.764.666.568
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(48.847.720.944)	(59.093.762.904)
	473.094.870.300	477.670.903.664

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	4,5%	2021	43.202.479.875	49.863.684.153
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	3,25 - 3,75%	2020	10.091.978.454	12.480.091.390
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	5%	2021	3.751.388.204	4.330.051.485
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	5%	2021	4.298.657.016	4.924.145.488
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	5,2 – 5,7%	2022	25.885.716.167	14.963.618.830
Kuraray Trading Co., Ltd. (ii)	USD	2,5%	2021	16.096.500.000	18.199.200.000
		LIBOR 6			
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (iii)	USD	tháng + 1,45%	2035	215.295.472.990	212.992.246.794
Vay ngân hàng 6 (i)	VND	10,7%	2018	-	252.205.098
Vay ngân hàng 7 (i)	VND	10,1%	2020	1.800.000.000	2.200.000.000
Vay ngân hàng 8 (i)	VND	10,5%	2025	5.592.280.368	16.863.812.323
Vay ngân hàng 9 (i)	USD	6%	2025	178.395.970.603	178.395.970.603
Vay ngân hàng 10 (i)	VND	9,2%	2021	14.862.147.567	17.441.027.604
Vay ngân hàng 11 (i)	VND	9,2%	2018	-	338.487.800
Vay ngân hàng 12 (i)	VND	9,2%	2019	-	207.625.000
Vay ngân hàng 13 (i)	VND	8,26%	2018	-	82.500.000
Vay ngân hàng 14 (i)	VND	8,26%	2020	520.000.000	780.000.000
Vay ngân hàng 15 (i)	VND	10,5%	2021	2.150.000.000	2.450.000.000
				521.942.591.244	536.764.666.568

- (i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 15).
- (ii) Khoản vay này từ bên thứ ba và không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) và có hạn mức là 9.042.587 USD.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	45.853.218.016	33.276.553.175
Trích lập trong kỳ	27.167.076.438	15.890.980.425
Tăng khác	71.067.527	66.826.090
Sử dụng trong kỳ	(18.396.600.536)	(2.620.730.771)
Số dư cuối kỳ	54.694.761.445	46.613.628.919

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	165.375.000.000	74.160.475.589	72.414.835.222	43.305.696.156	355.256.006.967
Phát hành cổ phiếu	59.625.000.000	-	-	-	59.625.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	15.123.945.584	(4.062.946.639)	11.060.998.945
Phân bổ vào các quỹ	-	10.706.862.506	(10.706.862.506)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	(41.343.750.000)	(1.357.200.000)	(42.700.950.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(15.745.910.443)	(145.069.982)	(15.890.980.425)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	225.000.000.000	84.867.338.095	19.742.257.857	37.740.479.535	367.350.075.487
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	225.000.000.000	84.867.338.095	84.489.432.518	43.275.409.105	437.632.179.718
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	46.996.044.245	4.468.639.977	51.464.684.222
Phân bổ vào các quỹ	-	13.312.017.992	(13.312.017.992)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	(45.000.000.000)	(2.714.400.000)	(47.714.400.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(27.010.998.438)	(156.078.000)	(27.167.076.438)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	225.000.000.000	98.179.356.087	46.162.460.333	44.873.571.082	414.215.387.502

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

28. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh.

29. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 21 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 45.000 triệu VND cho năm 2017, tương đương 20% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017: 41.344 triệu VND cho năm 2016, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	936.289.748	-
Trong vòng hai đến năm năm	17.592.524.377	21.778.588.963
Sau năm năm	6.647.895.215	12.303.194.208
	25.176.709.340	34.081.783.171

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	887.061	20.152.997.090	946.620	21.451.747.696
EUR	250	6.647.806	256	6.929.126
		20.159.644.896		21.458.676.822

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	122.000.000.000	43.800.000.000

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.185.227.973	2.391.397.122
Cổ tức được chia	210.000.000	210.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.514.965.308	11.138.302.080
Doanh thu hoạt động tài chính khác	66.954.099	106.975.992
	<hr/>	<hr/>
	7.977.147.380	13.846.675.194
	<hr/>	<hr/>

33. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	18.892.143.511	19.842.577.021
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.857.814.265	4.811.716.117
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.603.737.142	583.989.802
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	3.873.011
	<hr/>	<hr/>
	27.353.694.918	25.242.155.951
	<hr/>	<hr/>

34. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.055.196.769	3.958.493.363
Chi phí vật liệu, bao bì	461.536.784	525.023.392
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.028.342	125.550.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.503.407.656	46.883.876.689
Chi phí khác	10.004.820.884	10.400.344.212
	<hr/>	<hr/>
	44.065.990.435	61.893.287.656
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	36.686.228.660	39.828.347.062
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	4.775.992.977	4.012.841.436
Thuế, phí và lệ phí	1.709.061.590	1.278.271.280
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.400.123.285	9.955.534.701
Hoàn nhập dự phòng	959.555.004	(50.552.858)
Chi phí khác	12.741.187.962	13.620.247.058
	<hr/>	<hr/>
	68.272.149.478	68.644.688.679
	<hr/>	<hr/>

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.075.768.333.760	927.155.836.976
Chi phí nhân viên	567.011.317.615	488.416.698.213
Chi phí khấu hao	74.528.736.644	68.812.047.049
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	296.176.084.222	309.602.050.789
	<hr/>	<hr/>

37. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	3.407.459.345	1.784.741.934
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	54.872.143.567	12.845.740.879
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	5.487.214.357	1.284.574.088
Ưu đãi thuế	(1.915.085.167)	(1.004.218.892)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	922.133.752	186.432.257
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	382.054.348	214.611.584
Chi phí không được khấu trừ thuế	174.613.227	175.071.915
Thu nhập không bị tính thuế	-	(21.000.000)
Giảm thuế	(66.188.500)	(105.224.400)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	(1.577.282.672)	1.054.495.382
	3.407.459.345	1.784.741.934

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Đối với Tổng Công ty

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 - 2021) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% từ năm 2016.

(ii) Đối với các công ty con

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% từ năm 2016.



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	46.996.044.245	15.123.945.584
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	46.996.044.245	15.123.945.584
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	22.500.000	20.512.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.089	737

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tổng Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho kỳ sáu tháng	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Cổ tức công bố và đã trả	29.231.242.000	26.856.205.000
Bán hàng hóa và dịch vụ	905.331.819	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	16.069.962.360	7.304.064.540
Lãi vay nhập gốc vay	-	4.373.754.731
Chi phí lãi vay	2.262.970.257	-
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	387.941.562	159.558.740
Mua hàng hóa và dịch vụ	25.860.596.489	37.364.953.606
Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP		
Bán hàng hóa và dịch vụ	9.704.004	28.659.394
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	22.380.041
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Bán hàng hóa và dịch vụ	36.372.013	
Mua hàng hóa và dịch vụ	15.140.737.316	9.545.664.995
Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.280.000	1.071.675.000
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát		
Tiền lương và thưởng	5.899.891.645	4.010.112.521

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

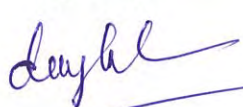
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	210.000.000	210.000.000
Lãi vay nhập gốc vay	-	4.373.754.731
Lãi tiền gửi nhập đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	22.513.664
Nhận xóa nợ phải trả người bán	-	13.166.187

41. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và số liệu so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ngày 9 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng




Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

